Num

Chapter 19

Vietnamese Interlinear

Reference: Vietnamese Bible (1934)

לֵאמֹר׃	אַהֲרֹן	וְאֶל־	מֹשֶׁה	אֶל־	יְהוָה	וַיְדַבֵּר	1
cho–nói	A-rôn	đến	Môi-se	đến	Đức–Giê-hô-va	và–phán	
H0559	H0175	H0413	H4872	H0413	H3068	H1696	

> Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se và A-rôn rằng:

אֶל־	דַּבֵּר׀	לֵאמֹר	יְהוָה	צִוָּה	אֲשֶׁר־	הַתּוֹרָה	חֻקַּת	זֹאת	2
đến	phán	cho–nói	Đức–Giê-hô-va	truyền–lệnh	mà	luật–pháp	luật–lệ	này	
H0413	H1696	H0559	H3068	H6680		H8451	H2708	H2063	

בָּהּ	אֵין־	אֲשֶׁר	תְּמִימָה	אֲדֻמָּה	פָּרָה	אֵלֶיךָ	וְיִקְחוּ	יִשְׂרָאֵל	בְּנֵי
—	không–có	mà	không–tì-vết	אֲדֻמָּה	פָּרָה	với–ngươi	và–lấy	Y-sơ-ra-ên	các–con–trai
	H0369		H8549		H6510	H0413	H3947	H3478	

עֹל׃	עָלֶיהָ	עָלָה	לֹא־	אֲשֶׁר	מוּם
עֹל׃	trên–nó	đi–lên	không	mà	tật–nguyền
H5923		H5927	H3808		

> Nầy là lệ định của luật pháp mà Đức Giê-hô-va có truyền rằng: Hãy nói cùng dân Y-sơ-ra-ên và biểu dẫn đến người một con bò cái tơ sắc hoe, không tật không vít, và chưa mang ách.

לַמַּחֲנֶה	מִחוּץ	אֶל־	אֹתָהּ	וְהוֹצִיא	הַכֹּהֵן	אֶלְעָזָר	אֶל־	אֹתָהּ	וּנְתַתֶּם	3
cho–trại	từ–bên–ngoài	đến	nó	và–ra	thầy–tế–lễ	Ê-lê-a-sa	đến	nó	và–đặt	
H4264	H2351	H0413	H0853	H3318	H3548	H0499	H0413	H0853	H5414	

לְפָנָיו׃	אֹתָהּ	וְשָׁחַט
trước–mặt	nó	và–giết
H6440	H0853	

> Đoạn phải giao nó cho Ê-lê-a-sa, thầy tế lễ, dẫn ra ngoài trại quân, rồi người ta giết nó trước mặt người.

פְּנֵי	נֹכַח	אֶל־	וְהִזָּה	בְּאֶצְבָּעוֹ	מִדָּמָהּ	הַכֹּהֵן	אֶלְעָזָר	וְלָקַח	4
trước–mặt	נֹכַח	đến	và–rảy	trong–ngón–tay–nó	từ–huyết–nó	thầy–tế–lễ	Ê-lê-a-sa	và–lấy	
H6440	H5227	H0413		H0676	H1818	H3548	H0499	H3947	

פְּעָמִים׃	שֶׁבַע	מִדָּמָהּ	מוֹעֵד	אֹהֶל־
lần	bảy	từ–huyết–nó	hội–họp	lều
H6471	H7651	H1818	H4150	H0168

> Ê-lê-a-sa, thầy tế lễ, sẽ dùng ngón tay nhúng huyết nó rảy bảy lần phía trước của hội mạc.

עַל־	דָּמָהּ	וְאֶת־	בְּשָׂרָהּ	וְאֶת־	עֹרָהּ	אֶת־	לְעֵינָיו	הַפָּרָה	אֶת־	וְשָׂרַף	5
trên	huyết–nó	và	thịt–nó	và	da–nó	—	cho–mắt–nó	הַפָּרָה	—	và–đốt	
	H1818	H0853	H1320	H0853	H5785	H0853		H6510	H0853	H8313	

יִשְׂרֹף׃	פִּרְשָׁהּ
đốt	פִּרְשָׁהּ
H8313	H6569

> Người ta sẽ thiêu con bò cái tơ đó trước mắt người, là thiêu da, thịt, và huyết với phẩn nó.

6 וְלָקַח và-lấy H3947
הַכֹּהֵן thầy-tế-lễ H3548
עֵץ gỗ H6086
אֶרֶז cây-bá-hương H0730
וְאֵזוֹב và-cây-bài-hương H0231
וּשְׁנִי và-đỏ-tía H8144
תוֹלָעַת con-sâu
וְהִשְׁלִיךְ và-ném H7993
אֶל־ đến H0413
תּוֹךְ giữa H8432
שְׂרֵפַת שְׂרֵפַת H8316
הַפָּרָה: הַפָּרָה: H6510

Kế đó, thầy tế lễ sẽ lấy cây hương nam, chùm kinh giới, và màu đỏ sặm, liệng vào giữa đám lửa thiêu con bò cái tơ.

7 וְכִבֶּס và-giặt H3526
בְּגָדָיו áo-nó
הַכֹּהֵן thầy-tế-lễ H3548
וְרָחַץ và-rửa H7364
בְּשָׂרוֹ thịt-nó H1320
בַּמַּיִם trong-nước H4325
וְאַחַר và-sau
יָבֹוא đến H0935
אֶל־ đến H0413
הַמַּחֲנֶה trại H4264
וְטָמֵא và-ô-uế
הַכֹּהֵן thầy-tế-lễ H3548
עַד־ cho-đến H5704
הָעָרֶב: chiều-tối H6153

Đoạn, thầy tế lễ phải giặt áo xống và tắm mình trong nước, sau rồi vào trại quân, bị ô uế đến chiều tối.

8 וְהַשֹּׂרֵף và-đốt H8313
אֹתָהּ nó H0853
יְכַבֵּס giặt H3526
בְּגָדָיו áo-nó
בַּמַּיִם trong-nước H4325
וְרָחַץ và-rửa H7364
בְּשָׂרוֹ thịt-nó H1320
בַּמָּיִם trong-nước H4325
וְטָמֵא và-ô-uế
עַד־ cho-đến H5704
הָעָרֶב: chiều-tối H6153

Kẻ nào thiêu con bò cái tơ phải giặt áo xống và tắm mình trong nước, bị ô uế đến chiều tối.

9 וְאָסַף và-nhóm-lại H0622
אִישׁ người H0376
טָהוֹר sạch H2889
אֵת — H0853
אֵפֶר אֵפֶר H0665
הַפָּרָה הַפָּרָה H6510
וְהִנִּיחַ và-đặt-xuống H3240
מִחוּץ từ-bên-ngoài H2351
לַמַּחֲנֶה cho-trại H4264
בְּמָקוֹם trong-nơi H4725
טָהוֹר sạch H2889
וְהָיְתָה và-là H1961
לַעֲדַת cho-hội-chúng H5712
בְּנֵי־ các-con-trai
יִשְׂרָאֵל Y-sơ-ra-ên H3478
לְמִשְׁמֶרֶת cho-nhiệm-vụ H4931
לְמֵי cho-nước H4325
נִדָּה sự-không-thanh-sạch H5079
חַטָּאת tội
הִוא: ấy H1931

Một người tinh sạch sẽ hốt tro con bò cái tơ để ngoài trại quân, trong một nơi tinh sạch; người ta phải giữ tro đó cho hội dân Y-sơ-ra-ên để dùng làm nước tẩy uế: ấy là một của lễ chuộc tội.

10 וְכִבֶּס và-giặt H3526
הָאֹסֵף nhóm-lại H0622
אֶת־ — H0853
אֵפֶר אֵפֶר H0665
הַפָּרָה הַפָּרָה H6510
אֶת־ — H0853
בְּגָדָיו áo-nó
וְטָמֵא và-ô-uế
עַד־ cho-đến H5704
הָעָרֶב chiều-tối H6153
וְהָיְתָה và-là H1961
לִבְנֵי các-con-trai
יִשְׂרָאֵל Y-sơ-ra-ên H3478
וְלַגֵּר và-cho-người-ngoại-kiều H1616
הַגָּר ngụ
בְּתוֹכָם trong-giữa-họ H8432
לְחֻקַּת cho-luật-lệ H2708
עוֹלָם: đời-đời H5769

Kẻ nào hốt tro con bò cái tơ phải giặt áo xống mình và bị ô uế đến chiều tối. Điều nầy sẽ làm một lệ định đời đời cho dân Y-sơ-ra-ên và cho khách ngoại bang kiều ngụ giữa dân đó.

11 הַנֹּגֵעַ chạm H5060
בְּמֵת trong-chết H4191
לְכָל־ mọi H3605
נֶפֶשׁ linh-hồn H5315
אָדָם người H0120
וְטָמֵא và-ô-uế
שִׁבְעַת bảy H7651
יָמִים: ngày H3117

Ai đụng đến một xác chết của người nào sẽ bị ô uế trong bảy ngày.

12 הוּא ấy H1931 · יִתְחַטָּא־ phạm-tội H2398 · בוֹ — · בַּיּוֹם trong-ngày H3117 · הַשְּׁלִישִׁי thứ-ba H7992 · וּבַיּוֹם và-trong-ngày H3117 · הַשְּׁבִיעִי thứ-bảy H7637 · יִטְהָר được-thanh-sạch H2891

וְאִם־ và-nếu · לֹא không H3808 · יִתְחַטָּא phạm-tội H2398 · בַּיּוֹם trong-ngày H3117 · הַשְּׁלִישִׁי thứ-ba H7992 · וּבַיּוֹם và-trong-ngày H3117 · הַשְּׁבִיעִי thứ-bảy H7637 · לֹא không H3808

יִטְהָר׃ được-thanh-sạch H2891

> Ngày thứ ba và ngày thứ bảy, người ấy phải dùng nước nầy làm cho mình được sạch, thì sẽ được sạch; còn nếu ngày thứ ba và ngày thứ bảy không làm cho mình được sạch, thì người vẫn không tinh sạch.

13 כָּל־ mọi H3605 · הַנֹּגֵעַ chạm H5060 · בְּמֵת trong-chết H4191 · בְּנֶפֶשׁ trong-linh-hồn H5315 · הָאָדָם người H0120 · אֲשֶׁר־ mà · יָמוּת chết H4191 · וְלֹא và-không H3808 · יִתְחַטָּא phạm-tội H2398 · אֶת־ — H0853

מִשְׁכַּן đền-tạm H4908 · יְהוָה Đức-Giê-hô-va H3068 · טִמֵּא ô-uế · וְנִכְרְתָה và-cắt-đứt H3772 · הַנֶּפֶשׁ linh-hồn H5315 · הַהִוא ấy H1931 · מִיִּשְׂרָאֵל từ-Y-sơ-ra-ên H3478 · כִּי vì · מֵי nước H4325

נִדָּה sự-không-thanh-sạch H5079 · לֹא־ không H3808 · זֹרַק rảy H2236 · עָלָיו trên-nó · טָמֵא ô-uế H2931 · יִהְיֶה là H1961 · עוֹד nữa H5750 · טֻמְאָתוֹ sự-ô-uế-nó H2932 · בוֹ׃ —

> Phàm người nào đụng đến xác chết của người nào và không làm cho mình được sạch, thì sẽ gây cho đền tạm của Đức Giê-hô-va bị ô uế. Người đó sẽ bị truất khỏi Y-sơ-ra-ên; vì nước tẩy uế không có rảy trên mình người, nên người vẫn ô uế; sự ô uế của người vẫn ở trên mình người vậy.

14 זֹאת này H2063 · הַתּוֹרָה luật-pháp H8451 · אָדָם người H0120 · כִּי־ vì · יָמוּת chết H4191 · בְּאֹהֶל trong-lều H0168 · כָּל־ mọi H3605 · הַבָּא đến H0935 · אֶל־ đến H0413 · הָאֹהֶל lều H0168 · וְכָל־ và-mọi H3605 · אֲשֶׁר mà

בָּאֹהֶל trong-lều H0168 · יִטְמָא ô-uế · שִׁבְעַת bảy H7651 · יָמִים׃ ngày H3117

> Nầy là luật pháp khi có một người nào chết trong trại: bất kỳ ai vào trại và mọi vật chi ở trong đều sẽ bị ô uế trong bảy ngày.

15 וְכֹל và-mọi H3605 · כְּלִי đồ-dùng H3627 · פָתוּחַ mở · אֲשֶׁר mà · אֵין־ không-có H0369 · צָמִיד צָמִיד · פָּתִיל פָּתִיל H6616 · עָלָיו trên-nó · טָמֵא ô-uế H2931 · הוּא׃ ấy H1931

> Phàm bình đựng nào để trống, không có nắp đậy buộc theo, sẽ bị ô uế.

16 וְכֹל và-mọi H3605 · אֲשֶׁר־ mà · יִגַּע chạm H5060 · עַל־ trên · פְּנֵי trước-mặt H6440 · הַשָּׂדֶה đồng · בַּחֲלַל־ trong-người-bị-giết · חֶרֶב gươm H2719 · אוֹ hoặc

בְמֵת trong-chết H4191 · אוֹ־ hoặc · בְעֶצֶם בְעֶצֶם H6106 · אָדָם người H0120 · אוֹ hoặc · בְקָבֶר בְקָבֶר H6913 · יִטְמָא ô-uế · שִׁבְעַת bảy H7651 · יָמִים׃ ngày H3117

> Ngoài đồng, ai đụng đến hoặc một người bị gươm giết, hoặc một xác chết, hoặc hài cốt loài người hay là một cái mả, thì sẽ bị ô uế trong bảy ngày.

17 וְלָקְחוּ và-lấy H3947 · לַטָּמֵא cho-ô-uế H2931 · מֵעֲפַר từ-bụi H6083 · שְׂרֵפַת שְׂרֵפַת H8316 · הַחַטָּאת tội · וְנָתַן và-đặt H5414 · עָלָיו trên-nó · מַיִם nước H4325 · חַיִּים sống · אֶל־ đến H0413 · כֶּלִי׃ đồ-dùng H3627

> Về kẻ bị ô uế, người ta phải lấy tro của con sinh đã bị thiêu đặng chuộc tội, để trong một cái bình và đổ nước chảy lên trên.

18

וְלָקַח	אֵזוֹב	וְטָבַל	בַּמַּיִם	אִישׁ	טָהוֹר	וְהִזָּה	עַל־	הָאֹהֶל	וְעַל־
và-lấy	cây-bài-hương	và-nhúng	trong-nước	người	sạch	và-rảy	trên	lều	và-trên
H3947	H0231	H2881	H4325	H0376	H2889			H0168	

כָּל־	הַכֵּלִים	וְעַל־	הַנְּפָשׁוֹת	אֲשֶׁר	הָיוּ־	שָׁם	וְעַל־	הַנֹּגֵעַ	בַּעֶצֶם בָּעֶצֶם	אוֹ
mọi	đồ-dùng	và-trên	linh-hồn	mà	là	ở-đó	và-trên	chạm		hoặc
H3605	H3627		H5315		H1961	H8033		H5060	H6106	

בֶחָלָל	אוֹ	בְמֵת	אוֹ	בַקָּבֶר׃ בַּקָּבֶר׃
trong-người-bị-giết	hoặc	trong-chết	hoặc	
		H4191		H6913

> Đoạn, một người tinh sạch sẽ lấy chùm kinh giới nhúng vào nước, rồi rảy trên trại, trên các bình, trên những người có tại đó, và trên người đã đụng, hoặc những hài cốt, hoặc một người bị giết, hoặc một xác chết hay là một cái mả.

19

וְהִזָּה	הַטָּהֹר	עַל־	הַטָּמֵא	בַּיּוֹם	הַשְּׁלִישִׁי	וּבַיּוֹם	הַשְּׁבִיעִי	וְחִטְּאוֹ
và-rảy	sạch	trên	ô-uế	trong-ngày	thứ-ba	và-trong-ngày	thứ-bảy	và-phạm-tội-nó
	H2889		H2931	H3117	H7992	H3117	H7637	H2398

בַּיּוֹם	הַשְּׁבִיעִי	וְכִבֶּס	בְּגָדָיו	וְרָחַץ	בַּמַּיִם	וְטָהֵר	בָּעָרֶב׃
trong-ngày	thứ-bảy	và-giặt	áo-nó	và-rửa	trong-nước	và-được-thanh-sạch	trong-chiều-tối
H3117	H7637	H3526		H7364	H4325	H2891	H6153

> Ngày thứ ba và ngày thứ bảy, người tinh sạch phải rảy nước đó trên người bị ô uế, và ngày thứ bảy người tinh sạch sẽ làm cho người được sạch, Người đương được sạch phải giặt áo xống mình, tắm mình trong nước, và đến chiều tối mới được tinh sạch.

20

וְאִישׁ	אֲשֶׁר־	יִטְמָא	וְלֹא	יִתְחַטָּא	וְנִכְרְתָה	הַנֶּפֶשׁ	הַהִוא	מִתּוֹךְ
và-người	mà	ô-uế	và-không	phạm-tội	và-cắt-đứt	linh-hồn	ấy	từ-giữa
H0376			H3808	H2398	H3772	H5315	H1931	H8432

הַקָּהָל	כִּי	אֶת־	מִקְדַּשׁ	יְהוָה	טִמֵּא	מֵי	נִדָּה	לֹא־
hội-chúng	vì	—	nơi-thánh	Đức-Giê-hô-va	ô-uế	nước	sự-không-thanh-sạch	không
H6951		H0853	H4720	H3068		H4325	H5079	H3808

זֹרַק	עָלָיו	טָמֵא	הוּא׃
rảy	trên-nó	ô-uế	ấy
H2236		H2931	H1931

> Còn người nào sẽ bị ô uế mà không làm cho mình được sạch, một người như vậy sẽ bị truất khỏi hội chúng; vì người đã làm cho nơi thánh của Đức Giê-hô-va bị ô uế. Nước tẩy uế không có rưới trên mình người: người vẫn ô uế.

21

וְהָיְתָה	לָהֶם	לְחֻקַּת	עוֹלָם	וּמַזֵּה	מֵי־	הַנִּדָּה	יְכַבֵּס	בְּגָדָיו
và-là	cho-nó	cho-luật-lệ	đời-đời	và-rảy	nước	sự-không-thanh-sạch	giặt	áo-nó
H1961		H2708	H5769		H4325	H5079	H3526	

וְהַנֹּגֵעַ	בְּמֵי	הַנִּדָּה	יִטְמָא	עַד־	הָעָרֶב׃
và-chạm	trong-nước	sự-không-thanh-sạch	ô-uế	cho-đến	chiều-tối
H5060	H4325	H5079		H5704	H6153

> Ấy sẽ là một lệ định đời đời cho dân sự. Người nào rảy nước tẩy uế sẽ giặt áo xống mình: kẻ nào đụng đến nước tẩy uế sẽ bị ô uế đến chiều tối.

22										
וְכֹ֨ל	אֲשֶׁר־	יִגַּע־	בּ֥וֹ	הַטָּמֵ֖א	יִטְמָ֑א	וְהַנֶּ֥פֶשׁ	הַנֹּגַ֖עַת	תִּטְמָ֥א	עַד־	הָעָֽרֶב׃
và–mọi	mà	chạm	—	ô–uế	ô–uế	và–linh–hồn	chạm	ô–uế	cho–đến	chiều–tối
H3605		H5060		H2931		H5315	H5060		H5704	H6153
פ										
—										

> Phàm vật chi mà người ô uế đụng đến, đều sẽ bị lây ô uế; còn ai đụng đến người đó sẽ bị lây ô uế đến chiều tối.